

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 202/2022/DSPT

Ngày: 14/09/2022

Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường;

Ông Đặng Văn Lộc,

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 98/TLPT- DS, ngày 14 tháng 04 năm 2022. Về việc: “*Tranh chấp hợp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 290/2022/DSST, ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2022/QĐ-PT, ngày 04 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1963 (có mặt).

2/ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Đ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2020);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Hoàng Th, Văn phòng Luật sư Trần Bá T - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Địa chỉ: B, Phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1930 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Chị Đặng Thị Thu Th1, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Huỳnh Ngọc Ch, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: B, Phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Minh T - Văn phòng Luật sư Phạm Minh T - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Địa chỉ: K, Phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

2/ Anh Lê Hoàng Anh D, sinh năm 1991

3/ Chị Lê Phương D1, sinh năm 1994

4/ Chị Lê Hoàng Lan A, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: đường Đ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Ông Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1951.

Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

6/ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1966;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, anh D chị D, chị Lan A, ông Ch1: Ông Lê Văn H1 (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2021);

Địa chỉ: Đ, PhườngB, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

7/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

8/ Ủy ban nhân dân L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Văn H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc M là chủ sử dụng thửa đất 299, tờ bản đồ 03, diện tích 151m², loại đất thổ, tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/7/2003 cho hộ bà M. Trước nhà bà M có khoảng sân diện tích 37,8m², phần đất này trước đây do bà Đặng Thị Ng chủ sử dụng thuộc thửa đất 301, tờ bản đồ 03, bà Ngà đăng ký kê khai nhưng người sử dụng đất từ trước đến nay là bà M. Năm 2015, bà M khởi kiện bà Ng yêu cầu giao lại phần đất này để bà M đăng ký sử dụng. Quá trình giải quyết, khi đo đạc thực tế phía bà M không yêu cầu hết phần sân 37,8m² nên Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà M là 27,5m², phần còn lại 10,3m² tiếp giáp với nhà không yêu cầu trong đơn khởi kiện

nên không giải quyết, phần đất $10,3m^2$ có thể hiện trong biên bản đo đạc ngày 25/01/2016. Tại bản án số 290/2017/DSPT đã quyết định công nhận phần đất tranh chấp $27,5m^2$ cho bà M đăng ký sử dụng. Ngoài ra, giữa hai nhà có phần đất (con hẻm), ngang khoảng 01m dài khoảng 20m, phần đất này có nguồn gốc của gia đình bà M nhưng bà Ng tự đăng ký sử dụng. Tại biên bản hoà giải ngày 12/02/2020 bà H còn trình bày khoảng năm 1991 giữa hai bên có sự thoả thuận miệng, phần đất sân để bà Ng đứng tên, mục đích để thừa kiện ông Lý Ph lấy lại phần đất ông Đặng Văn Kh đứng tên QSDĐ.

Nguyên đơn yêu cầu giải quyết: Hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ thuộc thửa 301, tờ bản đồ 03; yêu cầu công nhận phần đất $10,3m^2$ cho bà M đăng ký, công nhận cho bà M QSDĐ con hẻm có diện tích khoảng $20m^2$, tổng diện tích đất giao trả là $30,3m^2$, loại đất vườn do bà Ng đứng tên giấy chứng nhận. Trên phần đất $10,3m^2$ có nhà tiền chế, bà M xây cất cho thuê sửa xe, giá trị tài sản không lớn, trường hợp giải quyết không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, phía bà M ngừng cho thuê, giao trả mặt bằng theo bản án, quyết định có hiệu lực mà không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng nên không yêu cầu giải quyết phần nhà tiền chế trên diện tích đất $10,3m^2$.

Tại văn bản ý kiến ngày 02/8/2019, bản khai ngày 11/3/2020 của bị đơn Đặng Thị Ng và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp bà Đặng Thị Thu Th1 và ông Huỳnh Ngọc Ch trình bày:

Thửa đất 301 có nguồn gốc của Ông, Bà sử dụng từ rất lâu (trước năm 1975) ông Đặng Văn X thừa kế cho ông Đặng Văn G, sau đó ông G cho những người cháu một nền nhà, trong đó có nhà của bà M. Năm 1991 ông G chết để lại thừa kế hợp pháp cho bà Ng, sử dụng ổn định đến nay, hàng năm đều đóng thuế theo quy định. Ngày 06/10/1995 bà Ng xin đăng ký QSDĐ và QSHN, theo biên bản xác định ranh-mốc giới thể hiện rõ phần đất trước sân nhà bà M là của bà Ng, biên bản có đầy đủ chữ ký của tất cả hộ gia đình có liên quan, cán bộ đo đạc và đại diện Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long)

Phần đất $30,3m^2$ bà M yêu cầu hủy giấy chứng nhận cấp cho bà Ng. Qua các thời kỳ đo đạc, cấp giấy chứng nhận thể hiện phần đất tranh chấp của bà Ngà như sau: Theo tư liệu Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, chương trình đất năm 1991, Nghị định số: 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ ghi nhận phần đất liên quan diện tích $30,3m^2$, lần lược thuộc thửa 197 ông G kê khai sổ mục kê $600m^2$ đất vườn, thửa 1059 và 1062 bà Ngà kê khai sổ mục kê $1.607m^2$ đất thổ-vườn, thửa 301 bà Ng kê khai sổ bộ địa chính $936,7m^2$ diện tích có sự thay đổi qua các thời kỳ. Ngày 21/10/2003 bà Ngà được cấp GCN QSDĐ số X 973832, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận thửa 301 cho bà Ng, có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của các chủ giáp cận trong đó có bà M.

Thửa đất 299 có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ chết bà M hưởng thừa kế, ngày 06/8/1993 bà M xin đăng ký QSDĐ, trong đơn ghi rõ diện tích xin cấp giấy chứng nhận $114m^2$, đơn xin đăng ký QSDĐ-QSHN ngày 01/10/1995 cũng ghi rõ diện tích thửa đất $115,9m^2$. Theo biên bản xác định ranh-

mốc giới thửa đất cho thấy thửa đất của bà M phía bắc, giáp đất bà Nguyễn Thị L, ba mặt còn lại giáp đất bà Ng, trong biên bản này bà Ng có ghi rõ “Đồng ý cho bà M đi nhờ trên phần đất của tôi và cắm ranh theo mô tả là đúng”, biên bản này có chữ ký xác nhận của bà M, bà Ng, bà L và đại diện chính quyền địa phương. Ngày 26/5/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 705/UBT chấp thuận cho ông Đ để lại thừa kế QSDĐ cho bà M. Căn cứ Quyết định này UBND thị xã Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận cho bà M ghi rõ diện tích 151m², không có phần đất tranh chấp hiện nay. Cuối năm 2013 khi đo đạc theo chương trình Vlap, bà M không thông báo cho bà Ng biết mà tự ý chỉ đo luôn phần trước sân vốn thuộc quyền sở hữu của bà Ng, phát hiện sai sót nên bà Ng không đồng ý ký tên biên bản mô tả ranh-mốc giới thửa đất và nộp đơn khiếu nại theo đúng diện tích trong giấy chứng nhận đã cấp cho bà Ng.

Đối với phần đất 10,3m² đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Ng, thể hiện qua quá trình trực tiếp quản lý sử dụng đất, kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận của hai bên. Đại diện hợp pháp bà Th1 yêu cầu Tòa án xem xét và bác đơn khởi kiện của bà M1 vì không có bất cứ giấy tờ hợp pháp và cơ sở pháp lý nào, bản án trước xử có hiệu lực pháp luật nhưng bà Ng đang yêu cầu xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm ở toà cấp cao chờ giải quyết. Phần tranh chấp với ông Lý Ph thời điểm đó là bồi thường thành quả lao động không phải mua bán, vì bên ông Lý Ph cũng được cấp giấy tờ nên không đòi được phần đất đó, bà Ng và ông Đặng Văn H là người nhận tiền bồi thường. Tại biên bản hoà giải ngày 12/02/2020 đại diện hợp pháp ông Ch đề nghị căn cứ vào các chương trình đất được cấp qua các thời kỳ để xem xét giải quyết vì đất của các bên đã có giấy chứng nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 290/2022/DS-ST, ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, Quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39; các điều 147, 157, 158; 165, 166, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 100, 105, 106, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng các điều 164, 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M;

1.1/ Công nhận cho bà M phần đất diện tích 10,2m² gồm các mốc 6, 7, 8, 9, 10 thuộc chiết thửa số 301-1, tờ bản đồ số 03, loại đất CLN tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

1.2/ Bà M tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất hẻm (bên hông-giữa hai nhà) diện tích 9,9m² thuộc chiết thửa số 299-2, tờ bản đồ số 03, loại đất ODT tọa

lạc Khóm M, Phường B, thành phố Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/7/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Ngọc M. Bà Ng có nghĩa vụ dỡ bỏ bức tường có chiều ngang 0,6m và chiều cao 1,6m (tính từ nhà bà M qua) nằm trên phần đất 9,9m² (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/3/2022, bà Đặng Thị Ng kháng cáo. Nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M, công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 10,2m² và 16,2m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Ng.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn; thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm. Xác định phần đất tranh chấp có diện tích 10,2 m² có nhà tiền chế của bà M xây dựng; phần đất tranh chấp 9,9m² không có ô văng nhà bà Ng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp tài liệu chứng cứ bổ sung. Xác định phần đất tranh chấp có diện tích 10,2m² (diện tích hiện trạng) có nhà tiền chế của bà M xây dựng và bà M cho ông Ch sử dụng. Trong trường hợp phần đất 10,2m² được công nhận cho bà Ng thì bà Ng cũng không yêu cầu bà M tháo dỡ, di dời nhà tiền chế; Đối với phần đất tranh chấp 9,9m² không có ô văng nhà cũng như không có tài sản nào khác của bà Ng trên phần đất 9,9m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Trình bày phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đặng Thị Ng.

Miễn án phí phúc thẩm: Bị đơn Đặng Thị Ng là người cao tuổi kháng cáo thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 11/03/2022 đến ngày 23/03/2022 bà Đặng Thị Ng có đơn kháng cáo nên kháng cáo của bà Ng là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Ng

Nguồn gốc đất: Bà M là chủ sử dụng thửa đất số 299, diện tích 151m², loại đất thổ, tọa lạc tại khóm M, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh long được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 06945/QSĐĐ/358/QĐ-UB ngày 31/7/2003.

Bà Ng là chủ sử dụng thửa đất số 301, diện tích 1.474,9m², tọa lạc khóm M, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 973832, số vào sổ 07246/QSĐĐ/489/QĐ-UB, ngày 21/10/2003

Năm 2015, bà M khởi kiện yêu cầu công nhận cho bà M phần đất thuộc tách thửa 301-2, diện tích 27,5m² đồng thời hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ng. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 290/2017/DSPT, ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc M phần diện tích 27,5m² gồm các mốc 2,3,5,2 thuộc tách thửa 301-2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khóm M, Phường B, thành phố Vĩnh Long. Bà M có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Hủy một phần quyết định số 469/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long ngày 21/10/2003 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất cấp giấy cho hộ bà Ng. Bà Ng đến liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bà Ng đến liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp lại GCN QSĐĐ theo quy định của pháp luật. Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 25/01/2016 thể hiện phần đất tách thửa 301-1 có diện tích 10,3m² và phần đất thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/11/2020 tách thửa 301- diện tích 10,2m² là cùng một vị trí, liền kề với phần đất có diện tích 27,5m² được công nhận,

các đương sự có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất còn lại không tranh chấp thuộc thửa 301 của bà Ng trong đó có phần đất 10,2m² (theo trích đo ngày 3/11/2020 thuộc tách thửa 301-1 là đã được công nhận là phần diện tích còn lại của thửa 301 của bà Ng sau khi đã công nhận phần tranh chấp tại tách thửa 301-2, diện tích 27,5m² cho bà M theo bản án phúc thẩm số 2017/DSPT, ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên bà M khởi kiện yêu cầu bà Ng trả lại phần đất có diện tích 10,2 m² thuộc tách thửa 301-1 là không có căn cứ chấp nhận nên yêu cầu kháng cáo của bà Ng là có căn cứ chấp nhận.

Xét, phần diện tích tranh chấp giữa hai nhà (con hẻm): Thửa đất 299 thuộc quyền sử dụng của bà M, thửa 301 thuộc quyền sử dụng của bà Ng, quá trình sử dụng đến đầu năm 2020 phát sinh tranh chấp. Tại công văn số 195/PTNMT ngày 19/11/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vĩnh Long, kết quả đo đạc thể hiện: Theo sự xác định ranh đất của phía bà M có 13,8m² tranh chấp ranh với bà Ng (trong 13,8 m² có 3,9m² thuộc thửa 301 và có 9,9m² thuộc thửa 299). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M công nhận phần đất có diện tích 9,9m² thuộc tách thửa 299-2 là có căn cứ. Bà Ng kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh phần đất trên bà Ng là chủ sử dụng hợp pháp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Ng.

Tại cấp phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà H, ông H1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Ng là chị Th1, ông Ch đều xác định phần diện tích 9,9m² thuộc tách thửa 299-2 không phần ô vãng nhà bà Ng; không yêu cầu xem xét giải quyết việc tháo dỡ nhà tiền chế trên phần đất 10,2m² tách thửa 301-1 nên không xem xét giải quyết.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà sửa bản án sơ thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm; về chi phí tố tụng được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Ng

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST, ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39; các điều 147, 157, 158; 165, 166, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 100, 105, 106, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng các điều 164, 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M

1.1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc yêu cầu công nhận cho bà M phần đất tờ bản đồ số 03, thuộc tách thửa 301-1, diện tích 10,2m², loại đất CLN tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 6 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long.

1.2/ Công nhận bà M tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất (hẻm-bên hông-giữa hai nhà) tờ bản đồ số 03, thuộc tách thửa số 299 -2, diện tích 9,9m² loại đất ODT tọa lạc Khóm M, Phường B, thành phố Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/7/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị Ngọc M theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

1.3/ Bà Đặng Thị Ng có nghĩa vụ dỡ bỏ bức tường có chiều ngang 0,6m và chiều cao 1,6m (tính từ nhà bà M qua), vật kiến trúc khác nằm trên phần đất tách thửa số 299-2, diện tích 9,9m² theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2/ Về các chi phí tố tụng (đo đạc, thẩm định, định giá tài sản) số tiền 3.404.000 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng).

Buộc bà M nộp 1.754.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà M đã nộp tạm ứng trước nên bà M không phải nộp thêm.

Buộc bà Đặng Thị Ng nộp chi phí đo đạc, định giá tài sản và thẩm định tại chỗ là 1.650.000 đồng. Do bà M đã nộp tạm ứng trước nên bà Ng phải nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long để hoàn trả lại cho bà M số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Về án phí

3.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Nguyễn Thị Ngọc M, bà Đặng Thị Ng (người cao tuổi).

3.2/ Án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị Ng không phải nộp án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND TVL;
- CA TAND TVL;
- TAND TPVL;
- Chi cục THADS TPVL;
- Các đương sự.
- Lưu HS; TNV, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Duy Mỹ Ngọc